

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện chỉ tiêu của lực lượng bán hàng chủ động**  
**Tháng 06/2025**

Kính gửi: Lãnh đạo Bưu điện tỉnh

Họ tên: **Huỳnh Hữu Toàn**

Đơn vị: **Tân Hiệp**

- Căn cứ theo văn bản số 229/BĐKG-KD-TCHC ngày 20/02/2025 của Bưu điện tỉnh Kiên Giang V/v cơ chế chi trả thu nhập cho LLBH dịch vụ BCCP năm 2025

- Căn cứ theo kết quả thực hiện thực tế:

**1. Lương kinh doanh LLBH CT**

TT	Chỉ tiêu	Tháng 06/2025						
		Trọng số	Mục tiêu			Đánh giá kết quả		
			Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trọng số	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện	Quy đổi thành tiền
A	KPIs LLBH Chuyên trách	100%			100%			1,500,000
1	Thực hiện tiếp thị khách hàng		48	KH	40%	16	33%	200,000
2	Thu thập KHTN mới đầy đủ thông tin theo quy định BDT		24	%	30%	22	92%	412,500
3	Thu thập thông tin đối thủ cạnh tranh (giá, chính sách, mạng lưới,...).		100	Triệu đồng	10%	60	60%	90,000
4	Thực hiện chăm sóc khách hàng mới trong 03 tháng đầu ký hợp đồng		100	%	10%	20	20%	30,000
5	Phối hợp với các đơn vị/BC/đồng nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh. Thực hiện báo cáo theo yêu cầu BDT đúng tiến độ		100	%	10%	100	100%	150,000
Thu nhập (1)								882,500

**2. Hoa hồng bán hàng cho LLBH**

(chỉ áp dụng các KHM đăng ký có doanh thu từ 0,5 triệu đồng trở lên (sau chiết khấu, trước VAT):

A	Tháng thứ nhất:	Doanh thu KHM	Chiết khấu/trích thưởng			Quy đổi thành tiền
			Mức % tối đa cho KH	Mức % đã chi cho KH	Mức % còn lại của LLBH	
1	Khách hàng Truyền thống		20%		20%	-
2	Khách hàng TMĐT	1,119,537	25%	0.26%	25%	276,973
3	Nhóm KH quốc tế	575,424	30%	0%	30%	172,627
4	Nhóm KH quốc tế chuyên tuyến	3,088,800	10%	0%	10%	308,880
5	Nhóm KH đặc biệt: nguyên chuyển, Logistics,...		10%		10%	-
Thu nhập (2)						758,481

**4. Phụ cấp:**

TT	Chi phí	Ngày công	Ngày làm thực tế	Chi phí thực tế
1	Xăng xe 500.000 đồng/ngày công làm thực tế	24.5	24.5	500,000
2	Điện thoại: 100.000đ/tháng			100,000
Chi phí:				600,000

Tổng cộng: Thu nhập (1)+(2)+(3)+chi phí:	2,240,981
--	-----------